

1. Tên Tổ chức giám định:

Công ty TNHH Giám định, Định giá và Dịch vụ Kỹ thuật Bảo Tín

Bao Tin Inspection – Valuation & Technical Services Co., Ltd.

Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address:

Tầng 4, tòa nhà RuBlue, Số 223, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

04rd floor, RuBlue Building, No. 223 Doi Can street, Doi Can Ward, Ba Dinh district, Hanoi City, Vietnam.

Địa điểm được công nhận/ Accredited locations:

Tầng 4, tòa nhà RuBlue, Số 223, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

04rd floor, RuBlue Building, No. 223 Doi Can street, Doi Can Ward, Ba Dinh district, Hanoi City, Vietnam.

Số 15, ngách 69/22 phố Bùi Huy Bích, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

No. 15, Alley 69/22, Bui Huy Bich street, Hoang Liet ward, Hoang Mai district, Hanoi City, Vietnam.

Số điện thoại/phone number: 02462533792

E-Mail: baotinvatesco@gmail.com

Website: baotinvatesco.vn

2. Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Giám định, Định giá và Dịch vụ Kỹ thuật Bảo Tín

Bao Tin Inspection – Valuation & Technical Services Co., Ltd.

3. Số hiệu công nhận/accreditation number: VAAS 006

4. Chuẩn mực công nhận/accreditation standards: ISO/IEC 17020:2012

5. Người có thẩm quyền ký/persons entitled to sign:

TT	Họ và tên/Full name	Chức vụ/Position	Phạm vi được ký/ Signed scope
1	Nguyễn Thế Luân	Giám đốc Director	Tất cả các chứng thư/ All of certificates
2	Nguyễn Ngọc Minh	Phó giám đốc Deputy Director	
3	Hoàng Mai Hùng	Phó giám đốc Deputy Director	
4	Phạm Văn Dương	Trưởng phòng giám định Head of Inspection	

6. Phạm vi công nhận/ Scope of accreditation
6.1 Loại tổ chức giám định/ Type of inspection body: Loại A/ Type A.
6.2 Phạm vi hoạt động giám định / Scope of inspection activities.

Loại/đối tượng giám định <i>Inspection Items</i>	Lĩnh vực Giám định (và lĩnh vực con) <i>Field of Inspection</i>	Phạm vi giám định <i>Scope of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>
Sản phẩm <i>Products</i>	Máy và thiết bị: <i>Machinery and equipment:</i> Máy, thiết bị <i>Machinery and equipment</i>	Đồng bộ, chuyên dùng, chất lượng còn lại <i>Synchronized, specialized use, remained quality</i>	QT-20 QT-21 QT-21B QT-22 QT-07
Sản phẩm <i>Products</i>	Vật liệu kim loại /Metal material: Sắt, thép... ở dạng nguyên liệu, sắt, thép bán thành phẩm và thành phẩm <i>Iron, steel... raw materials, semi-finished products and finished products</i>	Kiểm đếm, định lượng, chủng loại, chất lượng. <i>Tally, quantitative, type, quality</i>	QT-14 QT-14A QT-15 QT-15A QT-27 QT-34 QT-07
Sản phẩm <i>Products</i>	Hàng tiêu dùng: <i>Consumer product:</i> Hàng kim khí, hàng nhựa composite, hàng dệt may (nguyên phụ liệu, sợi vải, sản phẩm dệt, may) đồ chơi trẻ em, đồ gốm, sứ, thủy tinh, đồ gỗ, hàng mây, tre đan; và các hàng tiêu dùng khác <i>Metal products, composite plastic goods, textiles (raw materials, fabrics, textile products, sewing) children's toys, pottery, porcelain, glass, wooden furniture, rattan goods, woven bamboo; and other consumables;</i>	Kiểm đếm, định lượng, phân loại, tình trạng chất lượng, chủng loại, mục đích sử dụng <i>Tally, quantitative, condition quality, type, uses</i>	QT-14 QT-14A QT-15 QT-15A QT-33 QT-07

Ghi chú/Note:

 QT: Phương pháp giám định của tổ chức giám định/ *Inspection methods developed by the inspection body;*